

Phần 1. Thông tin về sản phẩm và nhà sản xuất / nhà phân phối

Tên sản phẩm: Nhựa Polyurethane DM 1290B

Số CAS: 9009-54-5

Nguyên liệu sản phẩm : Nhựa Polyurethane

Mục đích sử dụng : Sử dụng chế tạo khuôn

Thông tin về sản phẩm / nhà sản xuất/ nhà phân phối

CÔNG TY TNHH MTV TM KHANG ĐỨC HƯNG

Địa chỉ: Số 2/65, đường Mỹ Phước Tân Vạn, Khu phố Bình Thuận 2, Phường Thuận Giao, Thành phố Thuận An, Tỉnh Bình Dương

Người chịu trách nhiệm về bảng thông tin an toàn:

E-mail. Dx_peter@126.com

Thông tin khẩn cấp : Tel. 0274-3800386

Phiên bản: 2022/11/01

Ngày phát hành: 2022/11/30

Phần 2: Thông tin nguy hại

Phân loại mối nguy: Không thuộc nguy hại theo OSHA tiêu chuẩn truyền thông nguy hiểm , 29 CFR 1910.1200

Nhãn theo GHS:

- **Từ tín hiệu:** Không áp dụng
- **Biểu tượng:** Không áp dụng

Phần 3: Thông tin về thành phần nguy hại

Tên thành phần	Số CAS	Thành phần (%)
MDI (Methylenediphenyl Diisocyanates)	26447-40-5	50%
Polyether polyol	9003-11-6	50%

Phần 4: Biện pháp sơ cứu

Hít phải: Di chuyển đến nơi thoáng khí,

Tiếp xúc da: Rửa sạch bằng nước và xà phòng.

Tiếp xúc mắt: Nếu tiếp xúc với mắt, nhanh chóng rửa với nhiều nước và tìm lời khuyên của nhân viên y tế.

Nuốt phải: Khi nạn nhân bất tỉnh, không được cho bất cứ gì vào miệng của nạn nhân
Nếu nạn nhân nôn, giữ cho đầu thấp hơn phần hông để tránh hít ngược vào.
Tham khảo ý kiến bác sĩ.

Phần 5: Biện pháp chữa cháy

Phương tiện chữa cháy phù hợp: nước, khí carbon dioxide, chất hóa học khô chuyên dùng, foam và loại khác

Các mối nguy từ hóa chất: Trong trường hợp cháy, làm mát thùng chứa bằng cách phun nước.

Thiết bị bảo hộ đặc biệt và biện pháp phòng ngừa hỏa hoạn:

Lính cứu hỏa phải mặc áo chuyên dụng, máy thở khép kín (SCBA). Không phận sự miễn vào.

Sản phẩm cháy nguy hại: Oxides of carbon

Phần 6: Biện pháp phòng ngừa, ứng phó khi có sự cố

Biện pháp bảo vệ cá nhân: Mang PPE thích hợp, Trang bị bảo hộ.

Biện pháp bảo vệ môi trường: Không được đổ vào cống rãnh / bề mặt sông ngòi / nước ngầm.

Các phương pháp làm sạch: Thu gom bằng vật liệu thấm hút trơ (ví dụ: cát, silica gel, chất kết dính acid, chất kết dính tổng hợp, mật cựa).

Phần 7. Sử dụng và lưu trữ

Sử dụng: Chỉ sử dụng trong khu vực thông thoáng.

Lưu trữ: Nhiệt độ trong khoảng + 5 °C đến +35 °C.

Phần 8. Kiểm soát phơi nhiễm / bảo vệ cá nhân

Thành phần nguy hại và các thông số cần kiểm soát nơi làm việc:

Bảo vệ hô hấp: Đảm bảo thông gió tốt.

Bảo vệ tay: Đeo găng tay kháng hóa chất. Theo hướng dẫn của nhà sản xuất găng tay.

Lưu ý rằng khi làm việc, khả năng kháng hóa chất của găng tay có thể giảm đáng kể do ảnh hưởng của nhiều yếu tố (ví dụ: nhiệt độ). Việc đánh giá rủi ro nên được thực hiện bởi người sử dụng. Nếu có dấu hiệu mòn và rách thì găng tay cần được thay thế.

Bảo vệ mắt: Đeo kính bảo hộ, tấm che mặt (nếu có nguy cơ văng hóa chất).

Bảo vệ cơ thể: quần áo bảo hộ phù hợp.

Kiểm soát kỹ thuật: Đảm bảo lưu trữ ở nơi thông thoáng.

Các biện pháp vệ sinh: Rửa tay trước giờ nghỉ giữa ca và sau khi kết thúc công việc. Không ăn, uống, hoặc hút thuốc khi làm việc.

Phần 9. Tính chất vật lý và hóa học

Ngoại quan: Chất lỏng màu vàng nhạt

Mùi: giống nhựa cây

Ngưỡng mùi (CA): Không có thông tin

pH: Không có thông tin

Điểm nóng chảy / Điểm đông đặc: Không có thông tin

Trọng lượng riêng: Không có thông tin

Độ mềm hóa:

Độ dính: 93 ~107_o 4600~6000(CPS/180±1□)

Điểm chớp cháy: Không áp dụng.

Độ hòa tan trong nước: Không hòa tan trong nước

Tốc độ bay hơi: Không có thông tin

Chất dễ cháy (rắn, khí): Không có thông tin

Giới hạn nổ dưới: Không có thông tin

Giới hạn nổ trên: Không có thông tin

Áp suất hóa hơi: Không có thông tin

Tỷ trọng hơi: Không có thông tin

Khối lượng riêng: Không có thông tin

Độ hòa tan: Không có thông tin

Hệ số phân ly: n-octanol/ nước: Không có thông tin

Nhiệt độ tự cháy: Không có thông tin

Nhiệt độ phân hủy: Không có thông tin

Độ nhớt: (Brookfield; Thiết bị: LV; 25 °C (77 °F); tốc độ: 6 min-1; Kim đo Số: 3; Phương pháp: ;TM

HDV AIS-03; Viscosity Test) 6,000 - 20,000 cp

Hàm lượng chất hữu cơ dễ bay hơi: Không có thông tin

Phần 10: Tính ổn định và khả năng phản ứng

Khả năng phản ứng/Vật liệu không tương thích: Không nếu được sử dụng đúng mục đích.

Độ ổn định hoá học: Ổn định dưới điều kiện bảo quản như được khuyến nghị.

Các điều kiện cần tránh: Không phân hủy nếu sử dụng đúng cách

Các sản phẩm phân hủy nguy hiểm: Không phân hủy nếu sử dụng đúng cách.

Phần 11: Thông tin về độc tính

Thông tin về độc hại chung: Theo kiến thức của chúng tôi không có ảnh hưởng có hại có thể xảy ra nếu sử dụng và xử lý đúng cách.

Các triệu chứng tiếp xúc quá mức: Không đề cập.

Phần 12. Thông tin về hệ sinh thái

Thông tin sinh thái: Không được đổ vào cống rãnh / bề mặt sông ngòi / nước ngầm.

Phần 13: Lưu ý khi thải bỏ

Sản phẩm

Phương pháp thải bỏ:

Thải bỏ theo qui định của địa phương và nước sở tại.

Bao bì

Xử lý bao bì nhiễm hóa chất Bao bì mà không thể được làm sạch sẽ được thải bỏ theo cách tương tự như sản phẩm.

Phần 14: Thông tin vận chuyển

Thông tin chung: Không nguy hiểm theo quy định RID, ADR, ADN, IMDG, IATA-DGR.

Phần 15. Thông tin quy định

Thông tin chung: Thông tư số 04/2012 / TT-BTC, ngày 13 tháng 2 năm 2012 (Quy định về phân loại và ghi nhãn hóa chất)

Phần 16: Thông tin khác

Từ chối trách nhiệm: Thông tin này được dựa trên mức độ hiểu biết hiện tại của chúng tôi và liên quan đến sản phẩm tại địa phương trong đó nó được chuyển giao. Thông tin được mô tả cho sản phẩm của chúng tôi xuất phát từ quan điểm của các yêu cầu an toàn và không có ý định để đảm bảo bất kỳ những đặc tính liên quan.